

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Minh Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Đắc Toàn – Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi, Quy Nhơn
2. Bà Trương Thị Thu Hiền – Chủ tịch Hội Phụ nữ p. Đống Đa, Quy Nhơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vân là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 157/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXX-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức T**, tên gọi khác: Không, sinh năm 2000 tại huyện Tuy Phước, Bình Định; HKTT: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B; Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Tổ 4, KV 8, P. T, TP. Q, tỉnh B; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

**\* Bị hại:**

1. Cháu Bùi Thị Ngọc N, sinh ngày 27/4/2006; Trú tại: Tổ 2, TT K, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

\*Người đại diện hợp pháp: Chị Đoàn Thị Mỹ P (mẹ ruột), sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ 4, TT K, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

\*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Ánh Quang – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2021, Nguyễn Đức T (sinh ngày: 23/3/2000) và Bùi Thị Ngọc N (Sinh ngày: 27/4/2006) quen biết với nhau qua mạng xã hội và có quan hệ tình cảm với nhau. Đến ngày 09/11/2021, N từ thị trấn K'Bang, huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai đến phòng trọ của T ở tổ 4, KP 8, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn để ở cùng T. Tại đây, T và N có quan hệ tình dục thuận tình với nhau 01 lần (có sử dụng bao cao su và xuất tinh vào bao cao su). Ngày 26/12/2021, T đến phòng trọ của N ở địa chỉ 17 Hồ Xuân Hương thuộc tổ dân phố 2, TT K, huyện K, tỉnh G để chơi. Tại đây, T và N quan hệ tình dục thuận tình với nhau 02 lần (có sử dụng bao cao su và xuất tinh vào bao cao su). Đến ngày 14/01/2022, N tiếp tục đến phòng trọ của T để ở, khoảng 22 giờ ngày 15/01/2022, N và T quan hệ tình dục thuận tình với nhau 01 lần, T không sử dụng bao cao su và xuất tinh vào âm hộ của N rồi T và N nằm ngủ. Đến sáng ngày 16/01/2022, T thức dậy thấy N vẫn còn ngủ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong ví của N. T lén lút mở túi xách của N treo ở vách tường tại phòng trọ của T, lấy 01 ví da bên trong túi xách của N lục lấy 3.000.000 đồng. Sau khi N thức dậy phát hiện bị mất tiền nên báo công an.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 16/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đưa N đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định khám, kiểm tra tổn thương âm hộ, kết quả: Âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn bình thường; Màng trinh dẫn rộng, không có vết rách. Lấy dịch âm đạo xét nghiệm tìm tinh trùng vào lúc 18 giờ 20 phút ngày 16/01/2022, kết quả: không tìm thấy tinh trùng.

Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại cho Bùi Thị Ngọc N số tiền 3.000.000 đồng.

Về dân sự: Nguyễn Đức Thuận đã bồi thường cho Bùi Thị Ngọc N số tiền 3.000.000 đồng, N không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 90/CT - VKSQN ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố Nguyễn Đức T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự (BLHS) và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Đức T trên 18 tuổi, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã có 04 lần thực hiện hành vi giao cấu thuận tình với cháu Bùi Thị Ngọc N, là người đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, bị cáo còn có hành vi lén lút lấy trộm 3.000.000 đồng của cháu N nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” với tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” và tội “*Trộm cắp tài sản*” nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” đối với tội “Trộm cắp tài sản” và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự: khai báo thành khẩn, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Kiểm sát viên đề nghị:

- Đối với tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”: đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù;

- Đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

Đề nghị tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 BLHS

Về dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

Bị cáo không tự bào chữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phát biểu ý kiến thống nhất với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rằng nhân phẩm, danh dự của trẻ em và tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm phải bị xử lý nghiêm minh. Bản thân bị cáo đã lợi dụng sự non nớt về nhận thức của cháu Bùi Thị Ngọc N (sinh ngày 27/4/2006) mà thực hiện hành vi giao cấu thuận tình với cháu N 04 lần trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2021 đến ngày 15/01/2022. Ngoài ra, vào sáng ngày 16/01/2022, bị cáo còn có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng của cháu N. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” với tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS và tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của trẻ em, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại

địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì: cháu N sinh ngày 27/4/2006 nên vào thời điểm bị cáo lấy trộm 3.000.000 đồng của bị hại (ngày 16/01/2022) thì cháu N chỉ mới 15 tuổi 08 tháng 20 ngày nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại đối với tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có tuổi đời còn trẻ nên HĐXX xem xét xử phạt bị cáo một mức án phù hợp, dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” để bị cáo an tâm cải tạo, trở thành công dân tốt.

[4] Bồi thường thiệt hại: bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Văn Thị Minh Hòa**